

Số: 36 /QĐ. HĐQT

Đồng Nai, ngày 16 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Ban hành Quy chế Công bố thông tin Công ty

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
 - Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 16/01/2023 về việc thống nhất thông qua Quy chế công bố thông tin của Công ty,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm Quyết định này là “Quy chế công bố thông tin của Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai”; gồm 03 chương, 12 điều và các phụ lục kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (bà) thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, các phòng ban Công ty và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- BKS Công ty;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

CÔNG TY
CỔ PHẦN
VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP
ĐỒNG NAI

PH. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Phan Thị Anh Thy

**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

**ĐĂNG KÍ GIAO DỊCH TẠI SỞ GIAO DỊCH
CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Ban hành: 01/2023

MỤC LỤC

| | |
|---|-----------|
| Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG | 3 |
| Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng | 3 |
| Điều 2. Tài liệu tham khảo | 3 |
| Điều 3. Các chữ viết tắt | 3 |
| Điều 4. Giải thích từ ngữ | 4 |
| Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin..... | 5 |
| Điều 6. Phương tiện công bố thông tin..... | 6 |
| Chương II. NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN | 8 |
| Điều 7. Lưu đồ thực hiện..... | 8 |
| Điều 8. Các nội dung công bố thông tin..... | 10 |
| Chương III. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM | 11 |
| Điều 9. Trách nhiệm phối hợp giữa người CBTT và các phòng ban liên quan | 11 |
| Điều 10. Xử lý vi phạm về công bố thông tin | 11 |
| Điều 11. Thẩm quyền xử lý vi phạm..... | 11 |
| Điều 12. Triển khai thực hiện..... | 12 |
| PHỤ LỤC 1: HƯỚNG DẪN CBTT CÁC PHÒNG BAN LIÊN QUAN | 13 |
| PHỤ LỤC 2: HƯỚNG DẪN CBTT CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC | 17 |
| PHỤ LỤC 3: CÁC MẪU BIỂU | 19 |

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc công bố thông tin của Công ty trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Đồng thời, quy định việc phối hợp quan hệ công tác giữa các đơn vị trực thuộc, các Phòng ban, cá nhân thuộc Công ty và các đối tượng khác trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Người công bố thông tin.
- b) Các phòng ban liên quan gồm: Phòng Kế toán; Phòng Kế hoạch, Phòng TCHC.
- c) Người nội bộ, người có liên quan của Công ty, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty.

Điều 2. Tài liệu tham khảo

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Quyết định số 296/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quy chế hướng dẫn công ty đại chúng sử dụng Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 31 tháng 03 năm 2017;
- Căn cứ Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 606/QĐ-SGDHN ngày 29 tháng 09 năm 2016;
- Căn cứ Tài liệu hướng dẫn sử dụng Hệ thống quản lý thông tin công ty dành cho công ty niêm yết/đăng ký giao dịch trên sàn HNX (CIMS);
- Căn cứ Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 3. Các chữ viết tắt

- Công ty : Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai.
- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- IDS plus : Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN.

- SGDCK/HNX : Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
- CIMS : Hệ thống quản lý thông tin công ty của HNX.
- VSD : Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.
- TTCKVN : Thị trường Chứng khoán Việt Nam.
- CBTT : Công bố thông tin
- HĐQT : Hội đồng quản trị.
- BKS : Ban Kiểm soát.
- GD : Giám đốc
- KTT : Kế toán trưởng.
- BCTC : Báo cáo tài chính.
- CĐL : Cổ đông lớn.
- CPQ : Cổ phiếu quỹ.
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông.
- GCNĐKDN : Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- CTĐC : Công ty đại chúng.
- ĐKGD : Đăng ký giao dịch.
- NNB : Người nội bộ.
- NCLQ : Người có liên quan.
- CTĐC QML : Công ty Đại chúng quy mô lớn.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. *Người nội bộ của công ty đại chúng* là:
 - Thành viên Hội đồng quản trị;
 - Kiểm soát viên;
 - Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - Kế toán trưởng, Trưởng phòng kế toán- thống kê, người phụ trách Phòng kế toán;
 - Người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền công bố thông tin.
2. *Ngày công bố thông tin* là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại Điều 6 Quy chế này.
3. *Ngày báo cáo về việc công bố thông tin* là ngày gửi fax, gửi dữ liệu điện tử qua email, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống thông tin điện tử của UBCKNN, SGDCK Hà Nội hoặc ngày UBCKNN, SGDCK Hà Nội nhận được văn bản báo cáo về việc công bố thông tin tùy theo thời điểm nào đến trước.

4. Đối với tài liệu dưới dạng văn bản: Văn bản hợp lệ là bản chính hoặc bản sao hợp lệ. Yêu cầu của văn bản hợp lệ:
 - Đối với văn bản của cá nhân: Văn bản có họ tên và chữ ký của cá nhân.
 - Đối với văn bản của tổ chức: Văn bản có xác nhận của người có thẩm quyền bao gồm: họ tên, chức vụ, chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu (nếu có).
5. *Bản scan văn bản dùng CBTT* phải có đầy đủ nội dung theo quy định đối với văn bản hợp lệ.
6. *Dữ liệu điện tử dùng CBTT* là dữ liệu có định dạng word/excel/pdf (word/excel sử dụng bảng mã Unicode).
7. *Sổ cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của công ty đại chúng* là sổ cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đã phát hành trừ đi sổ cổ phiếu có quyền biểu quyết được công ty đại chúng mua lại làm cổ phiếu quỹ.
8. *Người công bố thông tin* là người đại diện theo pháp luật của công ty hoặc người được uỷ quyền công bố thông tin. Người đại diện theo pháp luật của công ty phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin do người được uỷ quyền công bố thông tin công bố.
9. *Người có liên quan* ^[1] là cá nhân, tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:
 - a) Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của cá nhân;
 - b) Tổ chức mà trong đó có cá nhân là nhân viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, chủ sở hữu trên mười phần trăm số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết;
 - c) Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và các chức danh quản lý khác của tổ chức đó;
 - d) Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát;
 - e) Công ty mẹ, công ty con;
 - f) Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia.
10. *Tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán* (CTĐC QML, CTĐC NY, Tổ chức phát hành chứng khoán ra công chúng, Công ty chứng khoán, Công ty đầu tư chứng khoán, Quỹ và các Công ty Quản lý Quỹ) là tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính, các thông tin tài chính và các báo cáo khác của các đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán ^[2].

Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật.
2. Đối tượng công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Đối tượng công bố thông tin phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

[¹] Theo quy định tại Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019

[²] Theo quy định tại Điều 4 Thông tư 183/2013/TT-BTC về kiểm toán độc lập đối với đơn vị có lợi ích công chúng.

3. Khi công bố thông tin, Đối tượng công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định.
4. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: số Thẻ căn cước công dân, số Chứng minh nhân dân hoặc số Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, email, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý.
5. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại Khoản 4 Điều 5 Quy chế này và các đối tượng công bố thông tin không muốn công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc công bố thông tin bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội thực hiện công bố thông tin.

Điều 6. Phương tiện công bố thông tin

| STT | Đối tượng tiếp nhận CBTT | Phương tiện CBTT |
|-----|--|---|
| 1 | Công ty | Chuyên mục về Quan hệ cổ đông (nhà đầu tư) trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty.(*) |
| 2 | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước | Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - IDS Plus. |
| 3 | Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội | Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội - Hệ thống CIMS. |
| 4 | Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật trong một số trường hợp | Trang thông tin điện tử của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam. |
| 5 | | Báo in, Báo điện tử, v.v... |

(*) Lưu ý:

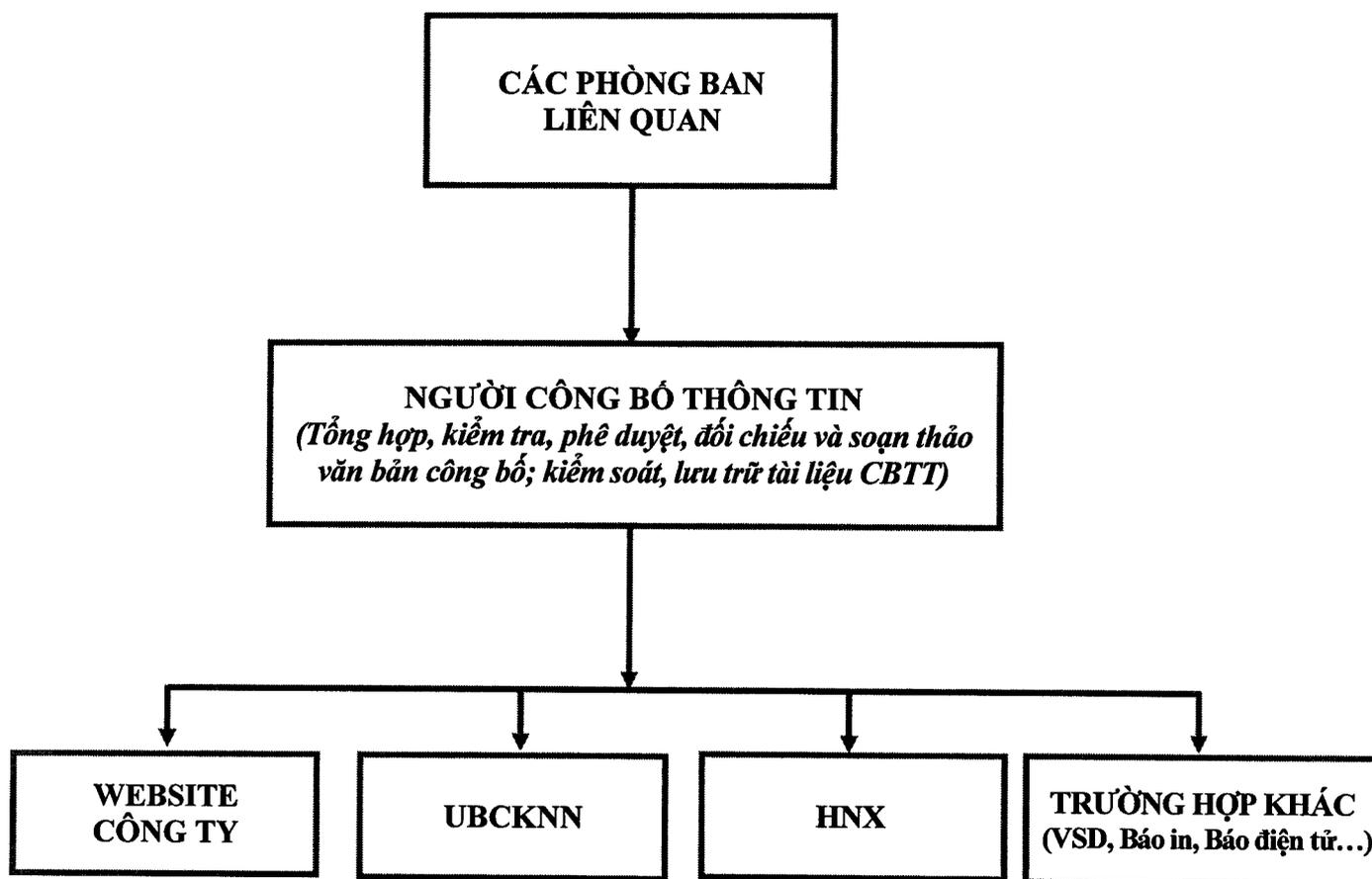
- Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ, Công ty vẫn thực hiện công bố thông tin trên Chuyên mục về Quan hệ cổ đông của Công ty vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật. Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin khác theo quy định pháp luật sau khi ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc.
- Công ty khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này.

- *Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.*
- *Các thông tin công bố định kỳ, bất thường hoặc theo yêu cầu phải lưu giữ trên trang thông tin điện tử của Công ty trong tối thiểu 05 năm.*

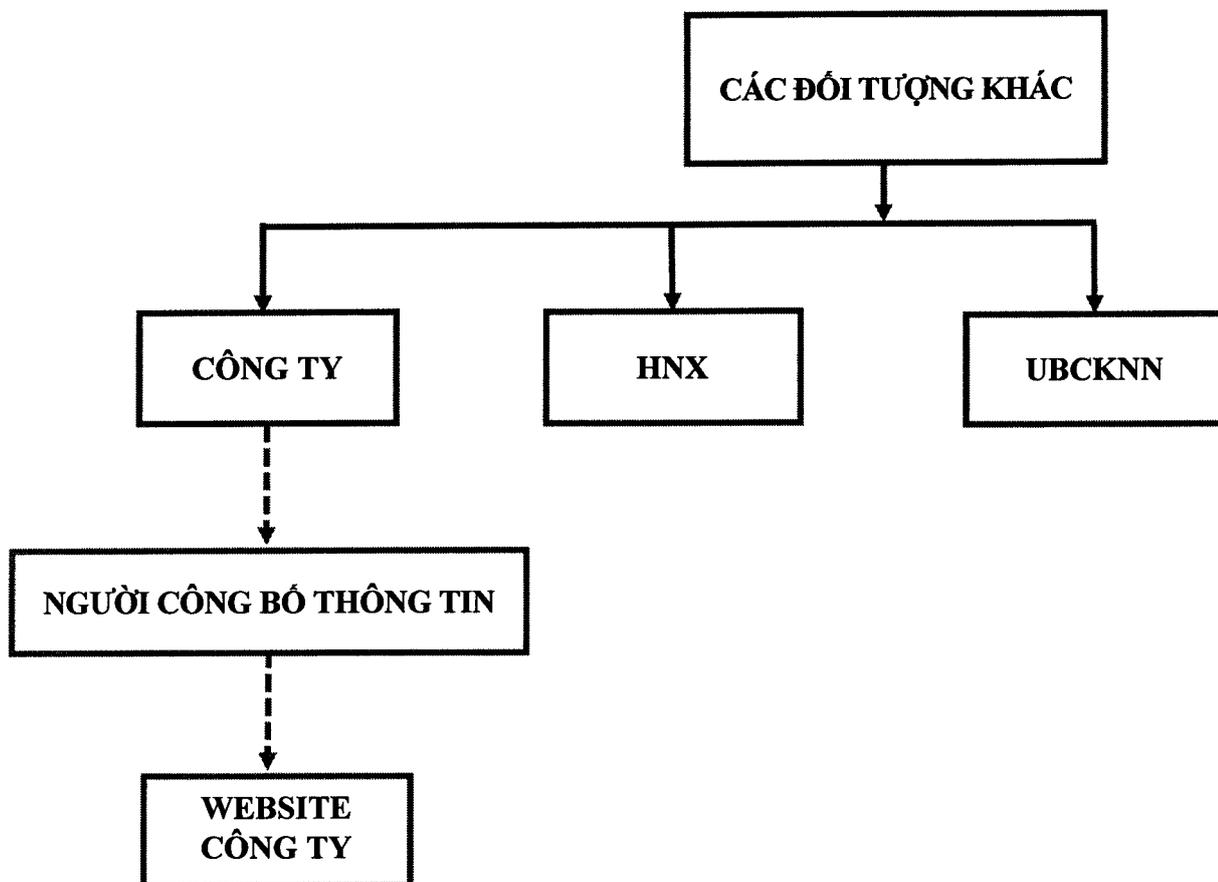
Chương II: NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 7. Lưu đồ thực hiện

1. Áp dụng các phòng ban liên quan theo quy định tại Điểm a và b Khoản 2 Điều 1 Quy chế này



2. Áp dụng đối với các đối tượng khác (**)



Ghi chú: **————>** : Gửi trực tiếp Công ty, UBCKNN và HNX
 - - - -> : Người Công bố thông tin tiếp nhận thông tin từ đối tượng khác thực hiện rà soát và công bố lên Website công ty.

(**) Đối tượng khác là đối tượng Quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 1 Quy chế này gồm Người nội bộ, người có liên quan của Công ty, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty.

Điều 8. Các nội dung công bố thông tin**1. Các phòng ban liên quan theo quy định tại Điểm a và b Khoản 2 Điều 1 thực hiện CBTT theo quy định theo từng Phụ lục cụ thể trong Quy chế CBTT này:**

| Phòng ban, bộ phận, cá nhân phụ trách | Nội dung |
|---|--|
| a) Phòng Kế toán (PKT) | Phụ lục 1. I.1 Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán |
| b) Phòng Kế hoạch (PKH) và các bộ phận, cá nhân có liên quan | Phụ lục 1. I. 2 Báo cáo thường niên |
| c) PKH, Phụ trách quản trị, người công bố thông tin (CBTT), TV.HĐQT, PKT... | Phụ lục 1. I.3 CBTT về hợp ĐHĐCĐ thường niên |
| d) PKH, Chủ tịch/Phó Chủ tịch HĐQT, người CBTT, TV.HĐQT, TV.BKS, KTT | Phụ lục 1. I.4 Báo cáo tình hình quản trị công ty |
| e) Các phòng nghiệp vụ phối hợp (PKH, PKT, Người CBTT, Người triệu tập họp ĐHĐCĐ, phụ trách quản trị) | Phụ lục 1 II.1 Về hợp ĐHĐCĐ bất thường hoặc trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản |
| g) Các phòng nghiệp vụ phối hợp (PKH, PKT, Người CBTT, Người triệu tập họp ĐHĐCĐ, Phụ trách quản trị...) tùy từng nội dung có liên quan | Phụ lục 1 II.2 Xảy ra một trong các sự kiện quy định tại Điều 11 Thông tư 96/2020/TT-BTC |
| h) Các phòng nghiệp vụ phối hợp (PKH, PKT, Người CBTT, Người triệu tập họp ĐHĐCĐ, Phụ trách quản trị...) tùy từng nội dung có liên quan | Phụ lục 1 II.3 CBTT liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng (ĐKCC) thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu. |
| i) Các phòng nghiệp vụ phối hợp (PKH, PKT, Người CBTT, Người triệu tập họp ĐHĐCĐ, Phụ trách quản trị...) tùy từng nội dung có liên quan | Phụ lục 1. II.4 CBTT theo yêu cầu quy định tại Điều 12 Thông tư 96/2020/TT-BTC. |
| k) Các phòng nghiệp vụ phối hợp (PKH, PKT, Người CBTT, Người triệu tập họp ĐHĐCĐ, Phụ trách quản trị...) tùy từng nội dung có liên quan | Phụ lục 1. II.5 CBTT về các hoạt động khác của Công ty đại chúng quy định tại Điều 13 Thông tư 96/2020/TT-BTC |

2. Các đối tượng khác thực hiện CBTT theo quy định tại Phụ lục 2 Quy chế CBTT này.

Chương III. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 9. Trách nhiệm phối hợp giữa người CBTT và các phòng ban liên quan

1. Người công bố thông tin chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty với UBCKNN, SGDCK, nhà đầu tư và những người có liên quan khác theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.
2. Người công bố thông tin trong phạm vi chức năng của mình tiếp nhận, xử lý các thông tin từ các phòng ban chức năng cung cấp các thông tin theo nội dung Quy trình này. Trưởng các phòng ban chức năng chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho người công bố thông tin
3. Đối với những thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu phải công bố theo quy định, các phòng ban liên quan (nơi phát sinh thông tin cần cung cấp) có trách nhiệm cung cấp thông tin cho người công bố thông tin trong vòng 12 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện công bố thông tin.
4. Người công bố thông tin phải giám sát việc công bố thông tin và báo cáo Hội đồng quản trị kết quả thực hiện.

Điều 10. Xử lý vi phạm về công bố thông tin

1. Các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Công ty liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.
2. Việc xử lý vi phạm về công bố thông tin được thực hiện theo Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23/09/2013, Nghị định số 145/2016/NĐ-CP ngày 01/11/2016 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan khác.
3. Tổng Giám đốc (Giám đốc) có quyền đưa ra các hình thức xử lý vi phạm phù hợp với chức năng và quyền hạn của mình đối với các trường hợp vi phạm về công bố thông tin.
4. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng, vượt quá thẩm quyền giải quyết của Tổng Giám đốc (Giám đốc), Tổng Giám đốc (Giám đốc) sẽ báo cáo Hội đồng quản trị xử lý vi phạm theo quy định.

Điều 11. Thẩm quyền xử lý vi phạm

1. Đối với vi phạm phát sinh từ người công bố thông tin: Việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
2. Đối với vi phạm phát sinh từ cá nhân trực thuộc phòng ban: Việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và thẩm quyền của Tổng Giám đốc (Giám đốc).

Điều 12. Triển khai thực hiện

1. Căn cứ vào nội dung Quy trình, các đối tượng có liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến nghĩa vụ CBTT chưa được đề cập trong quy trình này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy trình thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ công bố thông tin của các đối tượng có nghĩa vụ CBTT liên quan.
3. Việc sửa đổi bổ sung Quy trình này do Chủ tịch HĐQT quyết định sau khi được Hội đồng Quản trị thông qua.

Nơi nhận:

- Lưu VPCT.
- BKS
- HĐQT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]

Phan Thị Anh Thy

PHỤ LỤC 1: HƯỚNG DẪN CBTT CÁC PHÒNG BAN LIÊN QUAN

(TỔNG HỢP CHUNG CÁC PHÒNG NGHIỆP VỤ, PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ...)

| ST T | NỘI DUNG | THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN | THỜI HẠN CBTT | GHI CHÚ |
|-------------------------------------|---|--|---|---|
| I- CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ | | | | |
| 1 | Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp; Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính | Trước thời hạn công bố thông tin ít nhất 01 ngày | Thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. | Phòng Kế toán |
| 2 | Báo cáo thường niên theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 96/ 2020/ TT-BTC Thông tin tài chính trong Báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán. | Trước thời hạn công bố thông tin ít nhất 01 ngày | Thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. | Phòng Kế hoạch phối kết hợp với phòng Kế toán và các bộ phận, cá nhân có liên quan đến nội dung Báo cáo thường niên |
| 3 | Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên a) Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; b) Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết | | a) Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông b) Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo | Phòng Kế hoạch; Người phụ trách quản trị; Người công bố thông tin; Thành viên HĐQT |
| 4 | Báo cáo tình hình quản trị công ty theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC | | Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch. | Phòng KH; Người phụ trách quản trị; Người công bố thông tin; HĐQT, BKS |

II- CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

| | | | | |
|---|--|--|---|---|
| 1 | <p>CBTT về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</p> <p>a) Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;</p> <p>* Hoặc Phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết, tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết</p> <p>b) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).</p> | | <p>a) Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>* Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến</p> <p>b) Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).</p> | <p>Người triệu tập họp ĐHCĐ; Phụ trách quản trị công ty; Người công bố thông tin; Phòng Kế hoạch phối hợp với phòng Kế toán và các bộ phận liên quan</p> |
| 2 | <p>Xảy ra một trong các sự kiện quy định tại Điều 11 Thông tư 96/2020/TT-BTC:</p> <p>a) Tài khoản của công ty tại ngân hàng bị phong tỏa.</p> <p>b) Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, giấy phép hoạt động...</p> <p>c) Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty,...</p> <p>d) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;</p> <p>đ) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi</p> | | <p>Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại Điều 11 Thông tư 96/2020/TT - BTC</p> | <p>a) Phòng kế toán</p> <p>b) Phòng Kế hoạch, TCHC.</p> <p>c) Phụ trách quản trị công ty</p> <p>d) Phụ trách quản trị công ty</p> <p>đ) Phòng Kế hoạch; Phòng Kế toán; Phòng Tổ chức; Phụ trách quản trị công ty...</p> |

| | | | | |
|---|---|--|--|---|
| | <p>tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;</p> <p>e) Thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm</p> <p>g) Quyết định thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty</p> <p>h) Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ Đồng thời, công ty gửi cho UBCKNN, Sở GDCK Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96;</p> <p>i) Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán.</p> <p>k) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết.</p> <p>l) Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;</p> <p>m)</p> | | | <p>e) Phòng Kế toán</p> <p>g) Phòng Kế hoạch</p> <p>h) Phòng Tổ chức; Phụ trách quản trị công ty; Người nội bộ mới</p> <p>i) Phòng Kế hoạch; Phòng Kế toán.</p> <p>k) Phụ trách quản trị công ty; Phòng Kế toán</p> <p>l) Phòng Tổ chức; phòng Kế hoạch; Phòng Kế toán</p> <p>m)</p> |
| 3 | Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng | | | |

| | | | | |
|---|--|--|---|--|
| | <p>thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu</p> <p>a) Công ty đại chúng công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu trừ trường hợp quy định tại điểm b dưới đây;</p> <p>b) Công ty đại chúng công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> | | <p>a) Tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.</p> <p>b) Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.</p> | <p>Phòng Kế hoạch; Phòng Kế toán; Phụ trách quản trị công ty</p> |
| 4 | <p>Công bố thông tin theo yêu cầu quy định tại Điều 12 Thông tư 96/2020/TT-BTC</p> | | <p>Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, Sở GDCK nơi công ty đăng ký giao dịch</p> | |
| 5 | <p>Công bố thông tin về các hoạt động khác của công ty đại chúng quy định tại Điều 13 Thông tư 96/2020/TT-BTC</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn. - Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài - Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ | | | |

PHỤ LỤC 2: HƯỚNG DẪN CBTT CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

1. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty

- Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của CTĐC hoặc khi không còn là cổ đông lớn phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cổ phiếu cho CTĐC, UBCKNN và SGĐCK (đối với cổ phiếu đăng ký giao dịch) theo **Mẫu 16 – CDL** tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.
- Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của một công ty đại chúng khi có sự tăng/giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% phải CBTT và báo cáo cho CTĐC, UBCKNN, SGĐCK) theo **Mẫu 17 – CDL** tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi trên.

Ghi chú: Không áp dụng CBTT đối với trường hợp cổ đông lớn thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết phát sinh do CTĐC giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc phát hành thêm cổ phiếu.

Ví dụ: nhà đầu tư A sở hữu 5,2% số lượng cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của tổ chức đăng ký giao dịch X. Ngày T, ông A đặt lệnh giao dịch mua vào làm tăng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu X từ 5,2% lên 5,7%. Tiếp sau đó, vào ngày T', ông A đặt lệnh mua tiếp làm tăng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu X từ 5,7% lên 6,1%. Giao dịch tại ngày T' đã làm cho tỷ lệ sở hữu cổ phiếu X của ông A thay đổi vượt qua ngưỡng 6%, do vậy, trong vòng 07 ngày, kể từ ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch chứng khoán, ông A phải công bố thông tin và báo cáo công ty X, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán về việc thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của mình.

- CTĐC công bố trên website của công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của các đối tượng này.

2. Công bố thông tin về giao dịch của Người nội bộ, người có liên quan của Công ty, người có liên quan của người nội bộ

- Trước khi thực hiện giao dịch: Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là 03 ngày làm việc, NNB của công ty đại chúng, NCLQ của Công ty và NCLQ của NNB phải CBTT và báo cáo cho UBCKNN, SGĐCK và CTĐC về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu) theo **Mẫu**

18 – GD NNB tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này. Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên sau 24 giờ kể từ khi có CBTT từ SGDCK.

Ghi chú: NNB của công ty đại chúng, NCLQ của Công ty và NCLQ của NNB không được đồng thời đăng ký giao dịch mua và bán cổ phiếu trong cùng một đợt đăng ký và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng ký.

- Sau khi thực hiện giao dịch: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, NNB của công ty đại chúng, NCLQ của Công ty và NCLQ của NNB phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và CTĐC về kết quả giao dịch theo **Mẫu 19 – GD NNB** tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này, đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có).

3. Ghi chú

- NNB của công ty đại chúng, NCLQ của Công ty và NCLQ của NNB chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.
- Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là NNB của công ty đại chúng, NCLQ của Công ty và NCLQ của NNB, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định.
- Trường hợp công ty chứng khoán là NCLQ của NNB của tổ chức đăng ký giao dịch, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu đăng ký giao dịch, công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK và CTĐC trong vòng 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.
- Trường hợp công ty mẹ của CTĐC hoặc các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của công ty đại chúng (công đoàn) thực hiện giao dịch cổ phiếu phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như quy định đối với người nội bộ.
- CTĐC công bố trên website của công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu của NNB của công ty đại chúng, NCLQ của Công ty và NCLQ của NNB.

PHỤ LỤC 3: CÁC MẪU BIỂU

| STT | Ký hiệu mẫu biểu | File mẫu | Nội dung |
|-----|------------------|---|--|
| 1 | Mẫu 01 – BCTN |  Mau 01 - BCTN | Báo cáo thường niên (Thông tư số 96/2020/TT-BTC) |
| 2 | Mẫu 02 – BCCTT |  Mau 02 - BCCTT | Bản cung cấp thông tin người nội bộ (Thông tư số 96/2020/TT-BTC) |
| 3 | Mẫu 04 - BC |  Mau 04 - BC | Báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán (Nghị định số 58/2012/NĐ-CP) |
| 4 | Mẫu 05 - THQ |  Mau 05 - THQ | Thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu (Quyết định số 197/QĐ-VSD năm 2017) |
| 5 | Mẫu 06 - DS |  Mau 06 - DS | Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN) |
| 6 | Mẫu 07 - NS |  Mau 07 - NS | Thay đổi nhân sự (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN) |
| 7 | Mẫu 08 - NNB |  Mau 08 - NNB | Danh sách người nội bộ và người có liên quan (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN) |
| 8 | Mẫu 09 - NNB |  Mau 09 - NNB | Thông báo thay đổi người có liên quan của người nội bộ (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN) |

| STT | Ký hiệu mẫu biểu | File mẫu | Nội dung |
|-----|------------------|---|--|
| 9 | Mẫu 10 - ĐKDN |  Mau 10 - DKDN | Thông báo thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy phép hoạt động <i>(Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)</i> |
| 10 | Mẫu 11 - MHCT |  Mau 11 - MHCT | Thông báo (thay đổi) mô hình công ty và loại báo cáo tài chính <i>(Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)</i> |
| 11 | Mẫu 12 - SLCP |  Mau 12 - SLCP | Thông báo thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành <i>(Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)</i> |
| 12 | Mẫu 13 - CBTT |  Mau 13 - CBTT | Công bố thông tin bất thường <i>(Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)</i> |
| 13 | Mẫu 15 – KT CBTT |  Mau 15 - CBTT | Thông báo về việc kết thúc nghĩa vụ công bố thông tin đối với công ty đại chúng quy mô lớn <i>(Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)</i> |
| 14 | Mẫu 16 – CDL |  Mau 16 - CDL | Báo cáo về ngày trở thành/không còn là cổ đông lớn <i>(Thông tư số 155/2015/TT-BTC)</i> |
| 15 | Mẫu 17 – CDL |  Mau 17 - CDL | Báo cáo về giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của công ty khi có sự tăng/giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% <i>(Thông tư số 155/2015/TT-BTC)</i> |
| 16 | Mẫu 18 – GD NNB |  Mau 18 - NNB | Thông báo Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ, người có liên quan của Công ty, người có liên quan của người nội bộ trước khi thực hiện giao dịch <i>(Thông tư số 155/2015/TT-BTC)</i> |

| STT | Ký hiệu mẫu biểu | File mẫu | Nội dung |
|-----|--------------------|---|---|
| 17 | Mẫu 19 – GD NNB |  Mau 19 - NNB | Báo cáo Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ, người có liên quan của Công ty, người có liên quan của người nội bộ sau khi thực hiện giao dịch <i>(Thông tư số 155/2015/TT-BTC)</i> |